

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2019

V/v tranh chấp về nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Xuân;
2. Ông Phạm Duy Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chín là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, về “*Tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: Đường N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Trung L, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T, anh L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 13/8/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị T và anh L có tổ chức lễ cưới theo phong tục và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị T và anh L đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Quá trình sống chung chị T và anh L có 01 người con chung tên là Phạm Uy V, sinh ngày 29/4/2011, nếu ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu V và anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000^d (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T trình bày không có nợ tổ chức hay cá nhân nào bên ngoài, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Trung L trình bày:*

Về thời gian sống chung, không đăng ký kết theo quy định của pháp luật và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh L và chị T đúng như chị T đã trình bày ở trên. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh L và chị T có một người con chung đúng như chị T đã trình bày. Anh L đồng ý giao cháu Phạm Uy V, sinh ngày 29/4/2011 cho chị T nuôi dưỡng và anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000^d (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán

xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung L.

- Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung L về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung Phạm Uy V, sinh ngày 29/4/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Phạm Trung L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000^d (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Trung L không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Trung L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Trung L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 26 tháng 8 năm 2019 Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Tuy nhiên, qua thu thập tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Phạm Trung L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Nội dung vụ án:

[3] Xét thấy chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung L có tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi và Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là nơi cư trú của chị T và anh L khi bắt đầu chung sống với nhau cũng xác nhận chị T và anh L chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Hai người chị T và anh L có một người con chung là Phạm Uy V, sinh ngày 29/4/2011, tại phiên hòa giải ngày 21/9/2018 chị T có nguyện vọng được nuôi cháu V và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000^d (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, anh L cũng đồng ý với yêu cầu của chị T, các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh L. Giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Phạm Trung L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000^d/tháng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T, anh L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Ý kiến của kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh L chịu 150.000^d (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung L.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung L về việc nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con:

- Giao con chung Phạm Uy V, sinh ngày 29/4/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Anh Phạm Trung L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000^d/tháng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 10 năm 2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Phạm Trung L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011454 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba

Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Phạm Trung L chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 22/10/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THỦ TỤC PHIÊN TÒA DÂN SỰ SƠ THẨM

I/ PHẦN THỦ TỤC:

* Yêu cầu các đương sự đứng dậy

Hôm nay ngày 17/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tư mở phiên tòa xét xử công khai vụ án HNGĐ: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa các đương sự: - NĐ: Lê Thị Mỹ Dung

- BD: Nguyễn Phú Pháp

Thay mặt HĐXX tôi tuyên bố khai mạc phiên tòa

1. Công bố quyết định đưa vụ án ra xét xử.
2. Thư ký báo cáo danh sách những người Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa.
3. Kiểm tra căn cước những người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn Lê Thị Mỹ Dung:

- + Chị trình bày rõ họ tên? Ngày tháng năm sinh và nơi cư trú, nghề nghiệp.
- + Nguyên đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không? (Điều 244 BLTTDS: xem xét việc bổ sung yêu cầu...)

- Bị đơn Nguyễn Phú Pháp:

- + Ông trình bày rõ họ tên? Ngày tháng năm sinh và nơi cư trú, nghề nghiệp.
- + Tại phiên tòa, anh có bổ sung, thay đổi yêu cầu gì ko?

4. Giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự (theo Điều 70 BLTTDS)- Có bản kèm theo.

- *Thông báo với các đương sự: Bản án sau khi có hiệu lực pháp luật sẽ được công bố trên cổng thông tin điện tử theo quy định(Nghị quyết số 03/2017), các đương sự có quyền yêu cầu giữ bí mật một số thông tin theo quy định của pháp luật.*

5. Giới thiệu thành phần những người THTT.(Phạm Duy Huy, Đinh Thị Phương Lan , Trần Thị Hoài Trinh, Trương Công Bình)

- Hỏi Lê Thị Mỹ Dung, Nguyễn Phú Pháp:

- + Có yêu cầu thay đổi ai vừa giới thiệu hay ko?
- + Có ai yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ hay ko;
- Mời các vị HTND có bổ sung phần thủ tục?
- Mời đại diện viện kiểm sát bổ sung phần thủ tục?

Các đương sự có ý kiến gì về phần thủ tục phiên tòa hay ko?

Tôi tuyên bố kết thúc phần thủ tục chuyển sang phần Tranh tụng.

PHẦN TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA

- Trình bày của các đương sự:

+ Nguyên đơn(chị Dung) trình bày về yêu cầu khởi kiện và chứng cứ kèm theo nếu có

+ Bị đơn(anh Pháp) trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn

+ Hỏi: các đương sự có trình bày những vấn đề nào nữa ko?

Nếu không còn trình bày gì thêm thì phiên tòa sang trình tự hỏi

Theo quy định của pháp luật thì các bên có quyền đặt câu hỏi cho nhau.

(Lưu ý các đương sự chúng ta đặt câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu và phải có liên quan đến nội dung vụ án).

Mời nguyên đơn đặt câu hỏi cho bị đơn

Mời bị đơn đặt câu hỏi cho nguyên đơn

- CHỦ TỌA HỎI ND chị Dung:

+ Chị kết hôn với anh Nguyễn Phú Pháp vào năm nào? Có ĐKKH hay ko?

+ Tại sao ko ĐKKH theo quy định của pháp luật.

+ Sau khi kết hôn, chị với anh Pháp sống ở đâu, có hạnh phúc hay ko?

+ Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh Pháp.

+ Chị với anh Pháp có mấy người con, hiện nay sống với ai?

+ Nếu HĐXX giải quyết cho 02 người ly hôn thì con ai là người chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Tài sản của 02 người có gì ko?

+ 02 người có nợ ai về tiền, tài sản gì ko?

- CHỦ TỌA HỎI anh Pháp:

Anh đã nghe chị Dung trình bày toàn bộ nội dung vụ án, anh có ý kiến gì:

+ về Hôn nhân

+ Về con chung

+ Tài sản chung: của 02 người có những gì. Có nợ ai bên ngoài hay ko? Chặng hạn nợ cá nhân, Ngân hàng, tổ chức khác.

Mời HTND tham gia hỏi .

Mời đại diện viện kiểm sát tham gia hỏi.

Nguyên đơn, bị đơn, người có liên quan có đề nghị HĐXX hỏi thêm vấn đề gì nữa không ?

Nếu không ai hỏi gì thêm, tuyên bố kết thúc phần hỏi chuyển sang phần tranh luận.

PHẦN TRANH LUẬN

+ Nguyên đơn có ý kiến tranh luận, đề nghị gì với yêu cầu của bị đơn không?

+ Bị đơn có ý kiến tranh luận, đề nghị gì với yêu cầu của nguyên đơn?

+ Người liên quan có ý kiến tranh luận gì không?

Nếu không có ai có ý kiến tranh luận nào khác, tôi tuyên bố kết thúc phần tranh luận.

- Mời KSV phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- HĐXX nghị án, trong thời gian HĐXX nghị án các đương sự nghỉ giải lao và phải có mặt khi HĐXX vào tuyên án.